

HAI MỆNH ĐỀ CỦA KARL MARX VỀ BẢN CHẤT VÀ CON ĐƯỜNG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH TRONG THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Ths.KTS Lý Khánh Tâm Thảo
Khoa công nghệ và quản lý môi trường - ĐHDL Văn Lang

Nhân cách có thể nói là một khái niệm trung tâm và là đối tượng nghiên cứu trong suốt lịch sử phát triển của tâm lý học. Từ thế kỷ 18, Holbach và Helvetius đã nhận thấy rằng “về mặt ý thức-tinh thần, con người là sản phẩm của xã hội.” Và đến thế kỷ 19, khái niệm nhân cách được nhận diện một cách rõ ràng nhất qua hai mệnh đề của Karl Marx.

1. “Bản chất con người là bản chất xã hội trong con người đó. Hay nói rõ hơn, trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội.”
2. “Hoàn cảnh tác động đến con người trong chừng mức con người tác động đến hoàn cảnh.” Hai mệnh đề trên là một trong những phát minh vĩ đại nhất của tâm lý học, và hơn thế nữa, chúng mang ý nghĩa cực kỳ cơ bản đối với tâm lý học giáo dục, vì mục tiêu của giáo dục là rèn luyện nhân cách con người.

Trong mệnh đề của K.Marx, các quan hệ xã hội được hiểu là bốn dạng quan hệ: một, quan hệ của con người với tự nhiên; hai, quan hệ của con người với hoàn cảnh; ba, quan hệ của con người với con người; và bốn, quan hệ của con người với chính bản thân. Trong các mối quan hệ đó, con người làm chủ các mối quan hệ; mà cụ thể hơn, ba mối quan hệ đầu tiên tác động đến con người một cách khách quan trong khi mối quan hệ cuối tác động đến con người một cách chủ quan. Như vậy, con người từ khi sinh ra đã được đặt vào những mối quan hệ đó và tồn tại trong những mối quan hệ đó trong suốt cuộc đời mình.

Đối với giáo dục nói chung và hoạt động dạy học nói riêng, từ hai mệnh đề trên những hệ luận sau có thể được suy ra.

1. Nếu nhân cách được tạo ra từ các mối quan hệ xã hội thì rèn luyện nhân cách bằng cách tạo ra, tổ chức các mối quan hệ xã hội.

Một cách tổng quát, nhân cách được rèn luyện khi được nuôi dưỡng trong những mối quan hệ xã hội mà người viết gọi là ‘có lợi cho mục tiêu phát triển nhân cách’. Nói như thế bởi vì trong thực tế lịch sử, những nền giáo dục khác nhau ở những thời điểm lịch sử khác nhau có những mục tiêu phát triển nhân cách khác nhau. Người viết vẫn nghĩ rằng, cơ chế của cuộc đời là sự lựa chọn cho mục tiêu hoặc mục đích sống của mỗi con người. Hai khái niệm lựa chọn và mục tiêu đó bao gồm những chuẩn mực chung của hoàn cảnh mà con người đó tồn tại – như những giá trị văn hóa xã hội, truyền thống đạo đức-luân lý... - và những chuẩn mực riêng trong mỗi cá tính con người. Giáo dục theo ngữ cảnh này là làm cho cái tôi quân bình với cái ta.

Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Vì thế để đạt được hiệu quả tối ưu trong giáo dục cần phải cố gắng tổ chức càng nhiều loại quan hệ có lợi khác nhau đến với người học. Như thế nhân cách sẽ được tác động mạnh mẽ hơn, đầy đủ hơn dưới nhiều góc độ hơn và hình thành trọn vẹn hơn. Nói cách khác, tôi muốn nhấn mạnh đến việc giáo dục phiến diện sẽ hình thành những nhân cách bị què quặt.

Hơn nữa, hiểu một cách cụ thể hơn dưới góc độ hoạt động dạy học, để rèn luyện nhân cách ta có thể tạo ra, tổ chức các mối quan hệ xã hội có lợi đó đến với đối tượng học hay đưa đối tượng học đến với các mối quan hệ xã hội có lợi. Tùy theo loại quan hệ (trong bốn loại đã nêu) cần tổ chức mà chúng ta có thể lựa chọn một hay cả hai hướng trên.

Chẳng hạn như, để giáo dục lòng yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường, chúng ta có thể tổ chức rất nhiều hoạt động đa dạng trên cơ sở không chỉ quan hệ với tự nhiên mà còn là quan hệ với hoàn cảnh, với con người. Chúng ta có thể cho người học đến với thiên nhiên, hòa mình vào thiên nhiên qua các chuyến dã ngoại, sinh hoạt ngoại khóa ở những nơi có cảnh thiên nhiên đẹp để biết cảm nhận, trân trọng và gìn giữ vẻ đẹp thiên nhiên. Cũng có thể tổ chức các buổi hội thảo, nói chuyện chuyên đề về thiên nhiên và môi trường để nâng cao kiến thức; hay tổ chức cho người học đến tham quan những nơi ô nhiễm môi trường để nhận thức sự tàn phá của con người đối với tự nhiên; hay tổ chức gặp mặt những gương mặt dẫn thân trong công tác bảo vệ thiên nhiên-môi trường để qua đó truyền lại tinh thần đó cho người học. Những hoạt động đa dạng như thế mới có thể làm cho người học có lòng yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường đồng thời lại có kiến thức cơ bản về vấn đề này cũng như lòng nhiệt huyết để chuyển ý thức thành hành động.

Một ví dụ khác là hoạt động dạy nghề kiến trúc. Như đã biết, kiến trúc là một ngành vừa mang tính khoa học vừa mang tính nghệ thuật. Do đó người làm kiến trúc cần phải có kiến thức rất rộng bao quát trên mọi lĩnh vực từ công nghệ, thuật toán cho đến những giá trị văn hóa, nghệ thuật, xã hội – đó cũng là mục đích của đào tạo kiến trúc sư. Như thế phải tổ chức các mối quan hệ xã hội khác nhau tác động đến người học một cách đa dạng nhất. Những kỹ năng cũng như kiến thức của người học phải được rèn luyện trong tổng hòa tất cả các mối quan hệ đó. Thứ nhất, tổ chức mối quan hệ của người học với tự nhiên bằng các buổi tham quan thực địa kết hợp với vẽ phong cảnh, v.v. để rèn luyện kỹ năng thể hiện cũng như sự cảm nhận cái đẹp trong tỷ lệ, đường nét thiên nhiên hay những công trình kinh điển. Thứ hai, tổ chức mối quan hệ của người học với hoàn cảnh bằng cách tổ chức người học học tập trong môi trường đặc trưng của nghề, hướng dẫn người học tìm hiểu thông tin bằng việc đọc sách hoặc các phương tiện truyền thông; và hơn nữa là tổ chức người học ở giai đoạn đào tạo cuối (năm thứ 4-5) thực tập trong các xưởng thiết kế. Thứ ba, tổ chức mối quan hệ của người học với người khác bằng những cuộc giao lưu với nhau, những buổi nói chuyện của các kiến trúc sư tên tuổi hoặc tranh luận chuyên môn trên diễn đàn. Và cuối cùng, khó nhất là tổ chức mối quan hệ của người học với chính bản thân – có thể được thực hiện bằng cách định hướng, hướng dẫn cho người học tự vấn, tự suy nghĩ, tìm tòi về phong cách kiến trúc riêng hay đạo đức nghề nghiệp.

2. Mỗi người, bằng một con đường, một cách thức, một biện pháp nào đó, chủ động trong những mối quan hệ ấy, hay nói cách khác, tác động lại với những quan hệ ấy.

Bởi vì hoàn cảnh tác động đến con người trong chừng mức con người tác động đến hoàn cảnh nên để nhân cách được rèn luyện một cách đầy đủ nhất, cần phải làm sao để hoàn cảnh có lợi tác động nhiều nhất đến con người. Nói như vậy, nghĩa là mỗi người phải chủ động tạo ra hoặc thay đổi những mối quan hệ có lợi cho mục tiêu rèn luyện của mình, hoặc hướng mình vào những mối quan hệ có lợi đó.

Trong thực tiễn hoạt động dạy học, hệ luận này có thể được hiểu là người dạy phải khuyến khích người học tham gia tích cực vào các mối quan hệ đã được người dạy tổ chức, từ đó tác động để thay đổi các mối quan hệ có sẵn đó theo hướng có lợi cho mục đích học. Chẳng hạn như trong một lớp học chuyên đề, giáo viên tổ chức làm việc nhóm để tăng cường sự trao đổi cũng như rèn luyện tinh thần và phương pháp làm việc nhóm cho sinh viên. Tuy vậy, hiệu quả của mục tiêu này chỉ có thể đạt được nếu các thành viên nhóm tích cực làm việc với nhau, tham gia tối đa vào hoạt động nhóm. Bằng cách đó các thành viên đã tác động trở lại vào nhóm, nâng cao sức mạnh của nhóm làm việc và tạo ra môi trường làm việc tốt hơn cho chính mỗi thành viên.

Thêm vào đó, hệ luận này còn có ý nghĩa trong việc hướng dẫn, khuyến khích người học tự tìm kiếm tri thức, tự rèn luyện; hay nói cách khác, là tổ chức hoạt động tự học nơi người học. Trong giáo dục, khi người dạy chỉ đơn thuần tổ chức các mối quan hệ xã hội cho người học – ở khía cạnh nào đó, cách giáo dục như thế sẽ không phát triển khả năng sáng tạo đối với mỗi cá nhân, còn đối với một tập thể sẽ sản sinh những con người giống nhau về kiến thức, kỹ năng, v.v. – một lối giáo dục “sinh sản vô tính”. Thực vậy, người dạy ngoài việc tổ chức các mối

Hai mệnh đề của K.Marx về bản chất và con đường hình thành nhân cách trong thực tiễn hoạt động dạy học

Lý Khánh Tâm Thảo

quan hệ cơ bản cho mục đích chung của quá trình đào tạo còn phải định hướng cho mỗi cá nhân người học tự tìm tòi, tự khám phá những mối quan hệ phù hợp với mình.

Có thể lấy một ví dụ trong đào tạo văn hóa-nghệ thuật, ở môn học tạm gọi là Nghệ thuật truyền thống. Giáo viên có những buổi lên lớp giảng về các loại hình như đờn ca tài tử Nam Bộ, nhã nhạc cung đình Huế hay quan họ Bắc Ninh, v.v. Bài giảng thường được minh họa trực quan bằng những đoạn âm thanh, hình ảnh liên quan; hoặc những buổi trình diễn của các nghệ sĩ. Thế nhưng, nếu như sinh viên hài lòng với những hoạt động giáo viên đã tổ chức mà dừng lại, không tìm hiểu thêm thì kiến thức của sinh viên sẽ rất rập khuôn và bị giới hạn. Vì vậy, giáo viên cần phải khuyến khích sinh viên tự tìm tòi thêm, chẳng hạn như vào thư viện, bảo tàng tìm kiếm tư liệu hoặc có những chuyến thực địa như về miền Tây nghe đờn ca tài tử, v.v. Để đảm bảo hoạt động tự học này của sinh viên, có thể tổ chức cho sinh viên viết thu hoạch sau một thời gian đã định.

3. Nếu nhân cách được tạo ra từ các mối quan hệ xã hội, thì bởi vì các mối quan hệ xã hội luôn có thể thay đổi nên nhân cách luôn có thể thay đổi

Giống như câu nói "Người ta không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông", các mối quan hệ xã hội luôn biến đổi không ngừng và làm thay đổi nhân cách đặt trong những mối quan hệ đó. Đây là điều vô cùng quan trọng mà người làm giáo dục cần phải ý thức được. Thứ nhất, hệ luận này chứng tỏ hiệu quả của giáo dục trong việc cải tạo nhân cách hay đạo đức và tái đào tạo chuyên môn. Một ví dụ có thể thấy là ở các trường phục hồi nhân phẩm cho phụ nữ cơ nhỡ. Những học viên được tổ chức cuộc sống tập trung với nhau, dự những buổi tư vấn về cuộc sống, tham gia các lớp dạy nghề, v.v. Nhờ được cách ly với cuộc sống cũ, được đặt hoàn toàn trong môi trường sống mới tích cực mà các học viên này dần dần thay đổi quan niệm và cách sống sai lệch trước đây. Một ví dụ khác cho trường hợp sau, giả sử một người được đào tạo trong một nền đào tạo lạc hậu, kiến thức chưa được cập nhật so với thực tế phát triển của khoa học. Điều này không có nghĩa là chuyên môn của người đó đã được đóng khuôn trong giới hạn đó; mà thực vậy, một nền đào tạo tiên tiến sau này có thể tái đào tạo người đó trở thành một người có chuyên môn tốt hơn (dù có thể không bằng người có nền tảng từ trước).

Thứ hai, hệ luận này cũng nhấn mạnh đến hai điểm thuộc về chương trình giảng dạy. Điểm thứ nhất là mỗi chương trình giảng dạy phải có một sự thống nhất xuyên suốt nhằm đạt mục tiêu cuối cùng đã định. Có nghĩa là, tất cả các bài giảng, hoạt động trong chương trình phải được thiết kế xoay quanh một trục thống nhất để định hướng và dẫn dắt người học đi suốt quá trình học. Sự không nhất quán trong những thành phần của một chương trình giảng dạy sẽ làm rối loạn quá trình nắm bắt kiến thức của người học, khiến cho người học hình thành kiến thức méo mó.

Điểm thứ hai là do thực tiễn cuộc sống luôn thay đổi nên chương trình giảng dạy cũng phải luôn được đổi mới, bằng cách đó hoạt động học được đặt trong sự thay đổi của những mối quan hệ cập nhật với thực tiễn đó. Như thế thì sản phẩm của hoạt động học là kiến thức trong người học được cập nhật.

4. Vì nhân cách luôn có thể thay đổi nên phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá lại.

Hệ luận này phủ định sự định kiến – có thể tốt hay xấu – trong đánh giá đạo đức hay chuyên môn của một con người, trong giáo dục là của người học. Về phương diện đạo đức, không thể vì lỗi lầm của một SV-HS trong quá khứ như thường xuyên quậy phá, vô lễ... mà quy kết rằng SV-HS đó mãi mãi không thể cải tạo lại thành người tốt. Dĩ nhiên, cần phải đưa SV-HS đó (hoặc chính SV-HS đó tự đưa mình) vào môi trường thích hợp để giáo dục lại – nghĩa là thay đổi các mối quan hệ xã hội để nhân cách thay đổi (xem hệ luận 3 ở trên). Và sau đó, phải đánh giá lại cho đúng nhân cách của SV-HS đó. Trường hợp ngược lại cũng thế, một SV-HS vốn rất ngoan hiền sau một thời gian giao du với bạn xấu hoàn

Hai mệnh đề của K.Marx về bản chất và con đường hình thành nhân cách trong thực tiễn hoạt động dạy học

Lý Khánh Tâm Thảo

toàn có thể trở nên ngổ ngược, đạo đức suy đồi.

Về phương diện chuyên môn hay kiến thức, cần phải định kỳ kiểm tra lại kiến thức của người học để đánh giá đúng thực trạng. Điều này còn giúp cho người học nhận biết hiệu quả hoạt động học của mình đồng thời giúp cho người dạy đánh giá lại hoạt động dạy của mình.

Như vậy, những ví dụ tổng quát cũng như những ví dụ rất đặc trưng cho một số ngành nghề đào tạo ở trên phần nào khẳng định tính đúng đắn và phạm vi áp dụng không hạn chế hai mệnh đề trên. Có thể thấy rằng hai mệnh đề của Marx về nhân cách và con đường hình thành nhân cách có ý nghĩa thực tiễn rất lớn trong giáo dục nói chung và hoạt động dạy học nói riêng.